

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ,
công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2020**

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2025.

Căn cứ Thông tư số 03/2011/TT-BNV ngày 25/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức và Thông tư 19/2014/TT-BNV ngày 04/12/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 974 /SNV-ĐTBD ngày 28 tháng 6 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *Hy*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ ĐTBĐ - Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu VT, TH (Thương).

Ph

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Đường

KẾ HOẠCH

**Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Nghệ An
giai đoạn 2016 - 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4052 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm
2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)*

I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG.

1. Cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị cấp tỉnh, cấp huyện;
2. Cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;
3. Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập;
4. Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU.

1. Nâng cao toàn diện chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới.
2. Đảm bảo nâng cao năng lực, kỹ năng thực thi công vụ được giao; ý thức trách nhiệm, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp; gắn đào tạo, bồi dưỡng với nhu cầu và quy hoạch sử dụng lâu dài.
3. Tăng cường trách nhiệm và tạo điều kiện cho người đứng đầu cơ quan quản lý, người đứng đầu đơn vị sử dụng và bản thân cán bộ, công chức, viên chức tham gia hoạt động đào tạo, bồi dưỡng một cách tích cực.
4. Xây dựng hệ thống cơ sở đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; thu hút và tạo điều kiện thuận lợi để các cơ sở đào tạo, nghiên cứu trong và ngoài tỉnh có đủ năng lực tham gia đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.
5. Kế thừa và phát huy những kinh nghiệm hay về đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước, đồng thời chủ động nghiên cứu kinh nghiệm tiên tiến của các nước, áp dụng phù hợp vào thực tiễn của địa phương.

III. MỤC TIÊU.

1. Mục tiêu chung.

Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng và hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng; góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp có đủ phẩm chất, trình độ và năng lực, đặc biệt là đội ngũ cán bộ chủ chốt đảm

bảo về tiêu chuẩn, đồng bộ về cơ cấu trình độ để đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân, đẩy mạnh sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và hội nhập quốc tế; góp phần nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị các cấp.

2. Các mục tiêu cụ thể.

a) Xây dựng quy chế thống nhất, đồng bộ cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với điều kiện của địa phương và yêu cầu hội nhập quốc tế; hệ thống chính sách khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức học tập và tự học để không ngừng nâng cao trình độ và năng lực thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao.

b) Tổ chức hệ thống quản lý và cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức gọn nhẹ, khoa học, phù hợp với mục tiêu, yêu cầu nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng.

b) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hoạt động thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp theo hướng tập trung trên một số nội dung và phân đầu đến năm 2020 đảm bảo đạt các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Đối với cán bộ, công chức ở cấp tỉnh, cấp huyện.

- + Tập trung đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn quy định về trình độ lý luận chính trị, kiến thức quản lý nhà nước, kiến thức quốc phòng - an ninh, tin học, ngoại ngữ. Phân đầu đến năm 2020, 100% cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn quy định trước khi bổ nhiệm ngạch, bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý.

- + Đảm bảo hàng năm ít nhất 80% cán bộ, công chức được cập nhật kiến thức pháp luật, được bồi dưỡng về đạo đức công vụ; 70% cán bộ, công chức được bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp thực thi công vụ.

- + 100% cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng tiêu chuẩn theo ngạch, chức danh và vị trí việc làm theo quy định.

- Đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

- + Đến năm 2020, 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên; 90% công chức cấp xã có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí đảm nhiệm.

- + Hàng năm ít nhất 60% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp, đạo đức công vụ.

- + Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được bồi dưỡng cập nhật và nâng cao kỹ năng, phương pháp hoạt động ít nhất 01 lần trong thời gian 02 năm.

- Đối với viên chức.

+ Đảm bảo đến năm 2020, ít nhất 60% viên chức được bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.

+ Có ít nhất 70% viên chức giữ chức vụ quản lý được bồi dưỡng năng lực, kỹ năng quản lý trước khi bổ nhiệm.

+ Hàng năm, ít nhất 60% viên chức được bồi dưỡng về đạo đức nghề nghiệp; cập nhật nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành.

- Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp: 100% đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 được bồi dưỡng kiến thức pháp luật; kiến thức, kỹ năng và phương pháp hoạt động.

IV. NỘI DUNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG.

1. Về Đào tạo.

a) Đào tạo về lý luận chính trị.

- Cao cấp lý luận chính trị: Cán bộ trong quy hoạch các chức danh diện Ban thường vụ Tỉnh ủy quản lý; cấp ủy viên hoặc quy hoạch cấp ủy viên cấp huyện; cán bộ được quy hoạch vào các chức danh lãnh đạo, quản lý ở cấp tỉnh, cấp huyện.

- Trung cấp lý luận Chính trị - Hành chính: Cán bộ đương chức hoặc quy hoạch các chức danh chủ chốt của cấp ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ và các đoàn thể cấp xã; cán bộ trong quy hoạch trưởng, phó phòng và tương đương đang công tác ở các cơ quan ở, ban, ngành, UBMTTQ và các đoàn thể cấp tỉnh, cấp huyện.

- Hoàn chỉnh chương trình trung cấp lý luận chính trị - hành chính: Cán bộ đương chức và quy hoạch phó trưởng phòng và tương đương trở lên đã tốt nghiệp đại học trở lên (trong đó nội dung, chương trình đã học đại học có số tiết học từ 250 tiết trở lên của các môn học trùng với chương trình đào tạo trung cấp lý luận chính trị - hành chính).

b) Đào tạo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học cho cán bộ, công chức cấp xã phù hợp với điều kiện và yêu cầu phát triển của từng vùng.

- Đào tạo trình độ sau đại học phù hợp với vị trí việc làm cho cán bộ, công chức ở cấp tỉnh, cấp huyện bảo đảm theo quy hoạch và yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của cơ quan, đơn vị.

- Khuyến khích tự học và đào tạo trình độ đại học và sau đại học cho viên chức phù hợp với chuyên môn, gắn với quy hoạch sử dụng lâu dài đáp ứng yêu cầu xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

2. Về Bồi dưỡng.

- Bồi dưỡng cập nhật thông tin, kiến thức mới theo Quy định số 164-QĐ/TW ngày 01/01/2013 của Bộ Chính trị về chế độ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức đối với cán bộ, lãnh đạo, quản lý các cấp.

- Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ công tác Đảng, đoàn thể, nhà nước và các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh.

- Bồi dưỡng về kỹ năng lãnh đạo, quản lý cho cán bộ quy hoạch trưởng, phó các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh; cán bộ chủ chốt cấp huyện.

- Bồi dưỡng theo chức danh cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp sở; cấp huyện; cấp phòng.

- Bồi dưỡng ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp; bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với viên chức ngành giáo dục và đào tạo, y tế và một số ngành khác.

- Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý; chuyên môn, nghiệp vụ; ngoại ngữ, tin học, tiếng dân tộc thiểu số; kiến thức quốc phòng, an ninh.

- Bồi dưỡng cập nhật kiến thức kỹ năng hành chính, giao tiếp, đạo đức công vụ, văn hóa công sở cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Bồi dưỡng trang bị kiến thức, kỹ năng hoạt động cho đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp theo chương trình quy định.

- Bồi dưỡng về kỹ năng nghiệp vụ cho người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, thôn, bản, tổ dân phố.

(Có các biểu tổng hợp chi tiết như cầu ĐTBĐ CB, CC, VC

giai đoạn 2016-2020 kèm theo)

V. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức về vai trò, nhiệm vụ của hoạt động đào tạo, bồi dưỡng; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị quản lý và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức trong việc bảo đảm chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng.

a) Không ngừng nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là giải pháp quan trọng hàng đầu góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phù hợp với điều kiện thực hiện chính sách tinh giản biên chế của Đảng, Nhà nước.

b) Quán triệt và học tập tư tưởng Hồ Chí Minh: “học để làm việc”, “làm việc gì thì học để làm việc ấy cho tốt”.

c) Đề cao tinh thần học và tự học; tăng cường nhận thức về trách nhiệm học tập suốt đời, không ngừng nâng cao năng lực làm việc, năng lực thực thi

nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tạo điều kiện và hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức được cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp và kinh nghiệm làm việc để nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác.

d) Tất cả các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có đủ năng lực đều được khuyến khích, tạo điều kiện tham gia tổ chức bồi dưỡng; cán bộ, công chức, viên chức được lựa chọn những chương trình bồi dưỡng cập nhật nâng cao kiến thức, kỹ năng phù hợp với công việc, vị trí việc làm đang đảm nhận.

2. Xây dựng cơ chế đề cao trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức trong việc xác định nhu cầu và cử cán bộ, công chức, viên chức tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng, bảo đảm hiệu quả gắn với yêu cầu công việc; cơ chế khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức học và tự học để đáp ứng yêu cầu trình độ theo quy định, không ngừng nâng cao trình độ và năng lực làm việc.

3. Sắp xếp, nâng cao năng lực, chất lượng hệ thống các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng

a) Nghiên cứu sắp xếp hệ thống các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo hướng tinh gọn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quy mô, hình thức đào tạo, bồi dưỡng.

b) Xây dựng đội ngũ giảng viên

- Giảng viên các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng phải có trình độ chuyên môn phù hợp, có ít nhất 05 năm kinh nghiệm hoạt động thực tiễn giảng dạy và có năng lực sư phạm.

- Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng phải xây dựng đội ngũ giảng viên thỉnh giảng; bảo đảm sau năm 2020, giảng viên thỉnh giảng đảm nhiệm từ 50% trở lên thời lượng của các chương trình đào tạo, bồi dưỡng mà cơ sở thực hiện.

- Có kế hoạch thường xuyên cập nhật, nâng cao năng lực, trình độ và phương pháp sư phạm cho giảng viên các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng.

- Xây dựng quy chế quy định trách nhiệm đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp tham gia giảng dạy cập nhật kiến thức, trang bị kỹ năng, phương pháp và trao đổi kinh nghiệm quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, công vụ phù hợp với sở, ngành, địa phương.

c) Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị đối với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm các điều kiện dạy và học có chất lượng.

4. Biên soạn mới, nâng cao chất lượng chương trình bồi dưỡng

a) Tổ chức rà soát, tiến hành cập nhật, biên soạn lại (nếu cần thiết) bảo đảm tính khoa học, tính ứng dụng của các chương trình; hạn chế tối thiểu sự trùng lặp.

b) Tăng cường, khuyến khích biên soạn những chương trình bồi dưỡng ngắn ngày cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng theo nhu cầu; kỹ năng theo hướng “cầm tay chỉ việc”

5. Nâng cao năng lực quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng

a) Quán triệt nhận thức và trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng.

b) Xây dựng kế hoạch và tổ chức bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng và phương pháp quản lý cho công chức, viên chức tham mưu quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng của các sở, ngành, địa phương.

6. Thực hiện quản lý chất lượng đào tạo, bồi dưỡng

a) Đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng nhằm cung cấp thông tin về mức độ nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ, công vụ của công chức sau khi đào tạo, bồi dưỡng.

b) Đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng phải bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan, trung thực.

7. Hợp tác quốc tế

a) Có cơ chế huy động các tổ chức, cá nhân có năng lực, uy tín nước ngoài tham gia giảng dạy cho các khóa đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt đối với các khóa cập nhật kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm nâng cao năng lực hội nhập.

b) Hàng năm, lựa chọn và cử cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý ở cấp tỉnh, cấp huyện và giảng viên các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng tham gia các khóa học ở nước ngoài phù hợp với chức danh và yêu cầu nhiệm vụ được giao.

c) Đẩy mạnh và đa dạng hóa các hình thức hợp tác trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức như: du học, du học tại chỗ, kết hợp đào tạo, bồi dưỡng trong nước với học tập, nghiên cứu ở nước ngoài.

8. Hình thức bồi dưỡng

Áp dụng các hình thức bồi dưỡng: Tập trung, bán tập trung, vừa làm vừa học phù hợp với mục tiêu, chương trình, nội dung bồi dưỡng.

9. Chính sách tài chính

a) Bố trí đủ kinh phí cho đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được sử dụng theo quy định của pháp luật.

b) Thu hút và đa dạng hóa nguồn kinh phí cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng.

c) Nghiên cứu đổi mới cơ chế phân bổ và quản lý, sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với tình hình, bảo đảm sự chủ động của cơ quan quản lý, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao hiệu quả sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN.

a) Đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức: Ngân sách nhà nước, kinh phí của cơ quan quản lý, đơn vị sử dụng công chức, của công chức và tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

b) Đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng viên chức: Kinh phí của đơn vị sự nghiệp công lập, của viên chức; tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Kế hoạch này; đồng thời căn cứ thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của địa phương, các đơn vị xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức cụ thể hàng năm để triển khai thực hiện; định kỳ báo cáo sơ kết, tổng kết theo hướng dẫn của Sở Nội vụ.

2. Sở Nội vụ:

a) Chủ trì tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo chức năng, nhiệm vụ; phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Tài chính và các cơ quan chức năng hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan liên quan thực hiện Kế hoạch này, đảm bảo chất lượng, hiệu quả và yêu cầu, tiến độ quy định.

b) Căn cứ Kế hoạch được ban hành, chủ trì phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan tham mưu xây dựng cụ thể Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm đảm bảo đúng quy định.

c) Tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh những khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp trong quá trình triển khai thực hiện.

đ) Tiến hành đánh giá sơ kết 03 năm, tổng kết 05 năm thực hiện báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề nghị của Sở Nội vụ và khả năng ngân sách của tỉnh, Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh cân đối ngân sách và tổng hợp dự toán kinh phí chi hàng năm cho kế hoạch đào tạo đã được UBND tỉnh phê duyệt, đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện kế hoạch đào tạo từng năm và trong giai đoạn 2016-2020; hướng dẫn các ngành, địa phương, đơn vị sử dụng, quyết toán kinh phí đúng mục đích, đúng tiêu chuẩn định mức của chế độ tài chính hiện hành, đồng thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc phân cấp quản lý, cấp phát nguồn kinh phí thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng có hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nội vụ huy động các nguồn tài trợ trong và ngoài nước cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật.

5. Trường Chính trị tỉnh và các đơn vị được giao đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

- Chủ động nghiên cứu đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

- Xây dựng đội ngũ giảng viên có năng lực, cơ cấu hợp lý; tăng cường sử dụng và xây dựng đội ngũ giảng viên thỉnh giảng phù hợp với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**BIỂU TỔNG HỢP
NHU CẦU ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC Ở TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**
(Kèm theo Quyết định số 402/QĐ-UBND ngày 2 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Đối tượng	Lệ hệ chính trị				Quản lý nhà nước				Chuyên môn					Kỹ năng lãnh đạo, quản lý			Quốc phòng, An ninh		Ngoại ngữ	Tin học	Tiếng dân tộc	Tổng số	Trong đó					
		Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Bồi dưỡng	Chuyên viên cao cấp	Chuyên viên chính	Chuyên viên	Cán sự	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Chuyên ngành	Vị trí việc làm	Cấp phòng	Cấp sở					Cấp huyện	Người dân tộc thiểu số	Nữ			
1	Cán bộ, CC lãnh đạo quản lý	Cấp tỉnh	8	2			3	3			4	9				75	1								110				
		Cấp huyện và tương đương	44	13	5	15	32	29	26		11	17	4				518	134	20	41			34	34	168	15	1160		761
		Cấp phòng và tương đương	74	39		3	23	49	25		41	47					357	33	46	12	107		45	22	16	21	940	33	93
		Cấp phòng và tương đương	352	306	33	230	24	317	256		19	373	28		50		493	185	557	55	67		279	148	146	70	3956	280	515
2	Các ngạch công chức	Chuyên viên cao cấp	7	1	1	1	2	1	1	1	4	4	1	1	1	10	12	6	7	3	5	7	14		91	1	21		
		Chuyên viên chính	67	9		7	34	55			9	25					95	35	57	21	3	23	18	46	5	509	9	78	
		Chuyên viên	97	520	286	679	3	264	615		16	257	42				621	378	157	33	56	344	70	173	186	4797	144	544	
		Cán sự		2		2			2	2							2	2	1	1	1	1	2	2	1	23		5	
3	Đại biểu HĐND tỉnh	Cấp tỉnh		1		1	1	3								4	1		1	1	1	1	1		21	3	2		
		Cấp huyện	14	14		40	2	21	11		1	11	4				256	258	4		14	23	4	4		681	22	54	
		Cấp xã	11	614	510	1251	1		487	358		10	332	105			5305	3846		300	292	814	304	424	35	14999	678	577	
4	Cán bộ, công chức cấp xã	Cán bộ chuyên trách	36	836	212	660		8	866	68		9	700	51	3		11019	2024		120	100	1757	199	296	202	89466	2476	7286	
		Công chức cấp xã	9	1428	484	333		7	978	50		26	717	75	61		10275	1975		42		9111	207	286	240	26304	687	928	
5	Người hợp đồng không chuyên trách ở cấp xã		643	541	14832		7	406	239			650	220	538		8480	3139		32		1630	263	330	145	32101	3025	5249		

Dự toán kinh phí sử dụng cho công tác ĐT, BDT cán bộ, công chức ở trong nước giai đoạn 2016 - 2020: 183 tỷ đồng; Nguồn ngân sách tỉnh.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**BIỂU TỔNG HỢP
NHU CẦU ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VIÊN CHỨC TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**
(Kèm theo Quyết định số 4052/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh Nghệ An)

Đơn vị tính: lượt người

TT			Nội dung				Lý luận chính trị				Quản lý nhà nước				Chuyên môn				Chức danh nghề nghiệp				Chức vụ nước ngoài		Số đương chức cấp huyện và cấp xã	Quốc phòng - An ninh	Ngoại ngữ	Tin học	Tổng số	Trong đó			
							Cao cấp	Trung cấp	Số cấp	Bồi dưỡng	CV cao cấp	CV chính	Chuyên viên	Cán sự	Tiền sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Số cấp	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV						Cấp phòng	Cấp xã	Người dân tộc thiểu số	Nữ
1	Viên chức quản lý	Cấp sở và tương đương	14	1			3	10	5			3					7	5	1			8	7	8	3	5	80	1	15				
		Cấp phòng và tương đương	210	1371	262	85	9	125	322	13	53	236	712	67			112	361	127	33	331	4	1067	661	883	1554	8668	66	822				
2	Viên chức hành chính	Hạng I	8	22	64	39		5	4			33	6				62	20	4		10		116	82	134	138	747	14	106				
		Hạng II	16	494	642	139	5	40	87	2	2	81	113	20			5	988	6		170		1837	339	1748	1821	8555	21	2158				
		Hạng III	12	163	347	390		72	200	15	1	125	246	68			3	376	448	16	35		1414	297	1103	1067	6398	71	1663				
		Hạng IV	7	59	117	203		7	103	23		3	230	23		3	2	184	235	25	45		800	99	529	569	3266	78	1283				
3	Viên chức chuyên môn	Hạng I		4				3			6	88	2				116	38	2		5		139	23	42	40	508	7	12				
		Hạng II	27	421	1254	1413	3	71	101	13	107	398	1567				309	2294	40		78	1	5307	514	3216	2849	19985	275	5789				
		Hạng III	43	783	508	1018		108	275	7	162	2062	747	464			13	3278	1118		206	3	10745	531	4582	4564	31217	1383	3796				
		Hạng IV	6	372	329	741		8	122	4		76	936	3852	79		4	251	834	387	45	50	7717	246	730	919	17708	1942	4402				

Tỷ toàn kinh phí sử dụng cho công tác ĐT, BD viên chức ở trong nước giai đoạn 2016 - 2020: 95 tỷ đồng; Nguồn ngân sách: Tỉnh, của các đơn vị sự nghiệp, cá nhân.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**



**BIỂU TỔNG HỢP NHU CẦU ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC,
VIÊN CHỨC Ở NƯỚC NGOÀI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**
(Kèm theo Quyết định số 4052/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh Nghệ An)

Đơn vị tính: lượt người

TT	Đối tượng	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng										Thời gian			Tổng số	Trong đó	
		Quản lý, điều hành chương trình KT-XH	Quản lý hành chính công	Quản lý nhà nước chuyên ngành, lĩnh vực	Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực	Chính sách công, dịch vụ công	Kiến thức hội nhập quốc tế	Phương pháp giảng dạy	Ngoại ngữ	Nội dung khác (ghi cụ thể): Thạc sỹ; Tiến sỹ; Tham quan, học tập kinh nghiệm	Trên 1 năm	Từ 2 - 12 tháng	Dưới 2 tháng	Người dân tộc thiểu số		Nữ	
1	Cán bộ, CC lãnh đạo, quản lý	Lãnh đạo cấp tỉnh	9	9	6	6	7	6	1			4	5	35	44		
		Cấp Sở, huyện và tương đương	23	15	28	9	21	27	3	11	2	5	42	92	139	8	16
		Cấp phòng và tương đương	27	28	44	22	30	35	5	18	2	7	45	159	211	25	28
2	Công chức	Công chức tham mưu, hoạch định chính sách	14	23	33	14	21	29	7	12	2	8	28	119	155	17	17
		Công chức trong nguồn quy hoạch	22	18	23	22	20	28	4	6	3	6	41	99	146	16	17
3	Giảng viên các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	1	1	2	1	1	1	7				6	8	14	1	1	
4	Đối tượng khác (ghi cụ thể): Viên chức hạng I, II, III, IV	3	2	3	5		10	8		2	2	8	23	33			

Dự toán kinh phí sử dụng cho công tác ĐT, BD cán bộ, công chức, viên chức nước ngoài giai đoạn 2016 - 2020: 02 tỷ đồng; Nguồn ngân sách tỉnh.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN